

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 14 - 10 - 2019
V/v tranh chấp về chia tài sản chung
sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Sơn, ông Hoàng Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2016/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2016 về việc “Tranh chấp Chia tài sản chung sau khi ly hôn”. Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 32/2016/HNGĐ-ST ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2019/QĐ-PT, ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lô Thị H. Sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện tại trú tại: Bản Bài, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Lữ Văn L. Sinh năm 1982. Vắng mặt.

Trú tại: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lô Thị C. Sinh năm 1968. Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện tại trú tại: Bản B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Anh Lô Văn T. Sinh năm 1980. Vắng mặt.

Trú tại: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

4. *Người kháng cáo:* Anh Lữ Văn L và anh Lô Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L chung sống với nhau từ năm 2002 trên tinh thần tự nguyện nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi chung sống với nhau thì năm 2003 anh L bị xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời gian 02 năm. Sau khi chấp hành xong quyết định hành chính về được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và hai bên đã chia tài sản chung. Tuy nhiên được khoảng 02 tháng thì anh L xin quay lại và vì con nên lại quay lại chung sống với nhau. Đến ngày 11/8/2008 thì anh L bị bắt do vi phạm pháp luật và bị xử phạt 08 năm tù. Đến ngày 11/7/2014 anh L chấp hành xong hình phạt tù trở về và có hành vi đánh đập chị H nên chị H làm đơn ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết. Tại bản án Số: 02/2015/HNGĐ-ST ngày 27/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu đã giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn anh L; Về con cái: Giao cháu Lữ Quang H, sinh ngày 20/12/2002 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 400.000 đồng cho đến khi con trưởng thành và chia tài sản chung của vợ chồng. Bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị. Tại bản án phúc thẩm số: 12/2015/HNGĐ-PT ngày 14/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định: Giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và quan hệ con cái, hủy án sơ thẩm về quan hệ tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày: Về tài sản chung của anh chị gồm có:

- Đất ở 805,2 m² ở bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Trên đất có nhà ở và các công trình phụ trợ. Phía Đông giáp nhà anh Lữ Văn H; Phía Tây giáp nhà anh Lô Văn T; Phía Nam giáp đường liên xã; Phía bắc giáp đất nhà anh Lữ Văn H.

- 02 máy nổ D8 và hai mô tơ phát điện, 01 tủ lạnh, 01 bộ bếp ga, 01 bộ giàn Karaoke, 01 két bạc, 03 bộ bàn ghế nhựa đan, 02 bàn gỗ mặt đá, gỗ để làm nhà.

- Diện tích 6000 m² keo trồng năm 2012 trồng trên đất cộng đồng đang thuộc quản lý của UBND xã C.

Diện tích 1,5 ha keo trồng năm 2012 trên đất cộng đồng đang thuộc quản lý của UBND xã C.

- Nợ phải thu: Anh Lô Văn T nợ 25 đường xà gỗ; giá trị 7.500.000 đồng.

- Các khoản nợ phải trả: Chị Lô Thị C 24.000.0000 đồng; chị Lô Thị H 70.000.000 đồng; Hoàng Bá A 33.615.0000 đồng; Nguyễn Văn Tư 19.520.000 đồng; Trần Thị L 5.440.000 đồng; Nguyễn Xuân P 1.000.000 đồng; Hoàng Thị T 3.356.000 đồng. Đây là nợ riêng của chị H, chị H không yêu cầu giải quyết. Khi nào có tranh chấp thì mới giải quyết sau.

Chị H yêu cầu giải quyết chia tài sản cho chị được hưởng 2/3 tài sản vì số tài sản trên do chị tạo lập nên trong thời gian anh L chấp hành hình phạt tù.

Anh Lữ Văn L trình bày:

Tài sản chung của anh chị gồm có:

- 01 thửa đất ở mượn của anh Lô Văn T, trên đất có nhà ở và các công trình phụ trợ khác tại bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- 01 thửa đất nhận chuyển nhượng của anh Lô Văn Đ ở Bản C, xã C, huyện Q 1.000m².

- 01 thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Vi Văn C ở bản Q, xã C, huyện Q 7,9 ha.

- 01 chiếc xe máy Nouvo SX, 02 máy nổ D8 và hai mô tơ phát điện, 01 tủ lạnh, 01 bộ bếp ga, 01 bộ giàn Karaoke, 01 két bạc, 03 bộ bàn ghế nhựa đan, 02 bàn gỗ mặt đá, gỗ làm nhà gồm 16 cây cột; 90 đường xà.

- Diện tích 6000 m² keo trồng năm 2012 trên đất cộng đồng đang thuộc quản lý của UBND xã C.

- Diện tích 1,5 ha keo trồng năm 2012 trên đất cộng đồng đang thuộc quản lý của UBND xã C.

- Nợ phải thu: Anh Lô Văn T nợ 11 đường xà gỗ trị giá 2.700.000đ.

- Nợ phải trả: Khi nhận chuyển nhượng đất với anh Lô Văn T thì giữa hai bên thỏa thuận với nhau là khi nào có thì phải trả cho anh Thắng số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền này hiện nay chưa trả.

Anh L yêu cầu giải quyết chia đôi số tài sản trên vì trước khi anh L đi chấp hành án thì cũng anh chị cũng có tài sản và trong thời kỳ anh đang chấp hành án thì ở nhà chị H đã bán toàn bộ keo được 85.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Lô Thị C trình bày: Trong thời gian năm 2012, lúc đó anh L đang chấp hành hình phạt tù thì chị H ở nhà trồng keo trên đất cộng đồng thuộc UBND xã C quản lý. Giữa chị và chị H là chị em, chị và chị H thỏa thuận với nhau là chị là người trông coi, bảo vệ, chăm sóc keo khi nào thu hoạch bán thì chia tỷ lệ chị được hưởng giá trị 1/3, còn chị H hưởng 2/3. Chị đã vào ở trong ngôi nhà chị H xây dựng trên đất trồng keo trông coi, chăm sóc và bảo vệ đến khi anh L đi chấp hành án về và vợ chồng anh L, chị H mâu thuẫn và anh L đã đuổi chị không cho chị tiếp tục việc trông coi, chăm sóc keo như đã thỏa thuận với chị H. Chị yêu cầu anh L và chị H phải trả công sức trông coi, chăm sóc và bảo vệ cho chị Tương ứng với giá trị keo hiện tại là 1/3.

Anh Lô Văn T trình bày: Giữa anh và anh L là anh em, năm 2006 thì anh L và chị H đang sinh sống ở bản Tầm, nhưng nơi ở khó khăn và có mâu thuẫn với

người khác nên anh L nói anh nhượng cho một phần đất để anh em ở với nhau. Anh nhất trí nhượng cho anh L và chị H một thửa đất mà hiện nay anh L và chị H đang sử dụng. Anh yêu cầu chị H và anh L phải trả cho anh số tiền như đã thỏa thuận trước đó là 10.000.000 đồng.

Tại bản án số Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 32/2016/HNGĐ-ST ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, các điều 474; 476 BLDS xử:

Về tài sản chung:

Giao cho chị Lô Thị H được sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- Chấp nhận sự thỏa thuận tự chia đất ở và tài sản trên của chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L: Tạm giao cho chị H được quyền sử dụng 317,25m² đất thửa số 24, tờ bản đồ số 28 ở bản X, xã C, huyện Q. Chị H được sở hữu ột quán diện tích 91m² nằm trên diện tích đất được giao cho chị H được sử dụng. Ranh giới đất được giao cho chị H là: Phía Đông giáp đất được tạm giao cho anh L dài 32,26m; Phía Tây giáp đất anh Lô Văn T dài 27,73m; Phía Nam giáp đường liên xóm dài 10m; Phía Bắc giáp đất anh Lữ Văn H dài 12,38m.

- Chị H được sở hữu:

- + Toàn bộ số cây keo trồng năm 2012 trên diện tích đất 4,5 ha trị giá 45.000.000đ và toàn bộ số cây keo trong năm 2012 trên diện tích 6000 m² trị giá 7.000.000 đồng. Toàn bộ số cây keo trên được trồng trên đất cộng đồng thuộc UBND xã C quản lý thửa số 226, tờ bản đồ số 01.

- + 01 máy nổ D8 và 01 mô tơ phát điện trị giá 2.000.000 đồng.

- + 03 bộ bàn ghế nhựa đan (03 bàn và 12 ghế) trị giá 1.200.000 đồng.

- + 02 chiếc bàn gỗ mặt đá trị giá 400.000 đồng.

(Số tài sản trên đang do anh L quản lý).

- + Chị H được nhận số tiền 2.700.000 đồng do anh Lô Văn T trả nợ.

- + Chị H được nhận số tiền anh L trả chênh lệch về tài sản là 15.000.000 đồng.

- Chị H phải trả khoản tiền công sức trông nom, chăm sóc và bảo vệ keo cho chị Lô Thị C tương ứng với 1/3 giá trị cây keo chị H được sở hữu là: 17.333.300 đồng.

Tổng cộng tài sản chị H được sử dụng và sở hữu là: 55.966.700 đồng.

Giao cho anh Lữ Văn L được sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- Chấp nhận sự thỏa thuận tự chia đất ở và tài sản trên của chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L: Tạm giao cho anh L được quyền sử dụng 487,95m² đất thửa số 24, tờ bản đồ số 28 ở bản X, xã C, huyện Q. Anh L được sở hữu các công trình được xây dựng nằm trên diện tích đất được giao cho anh L được sử dụng. Ranh giới đất được giao cho anh L là: Phía Đông giáp đất anh Lữ Văn H dài 37,61m; Phía Tây

Giáp đất được tạm giao cho chị H dài 32,26m; Phía Nam giáp đường liên xã dài 13,99m; Phía Bắc giáp đất anh Lữ Văn H dài 11,6m.

- Giao cho anh L được sở hữu:

+ Số tiền bán 16 cây cột và 30 thanh xà gỗ; 01 xe kéo; 01 tủ kính; 01 máy nổ D8; 01 mô tơ phát điện là 34.000.000 đồng.

Số tiền anh L bán keo tương ứng 1/4 diện tích keo trồng trên thửa đất có diện tích 4,5 ha là 15.000.000 đồng.

+ 20 tấm ván gỗ; 01 cây cột gỗ; 15 tấm gỗ làm xà trị giá 3.000.000 đồng.

+ 01 bộ giàn karaoke trị giá 3.000.000 đồng.

+ 01 bộ bếp ga (Bếp và Bình ga) trị giá 1.000.000 đồng.

(Số tài sản trên đang do anh L quản lý).

- Anh Lữ Văn L có nghĩa vụ trả cho anh Lô Văn T 10.000.000 đồng.

- Anh L có nghĩa vụ trả công sức trông nom, chăm sóc và bảo vệ keo cho chị Lô Thị C tương ứng với 1/3 giá trị keo anh L được sở hữu là: 5.000.000 đồng.

- Anh L có nghĩa vụ trả chênh lệch về tài sản cho chị H 15.000.000 đồng.

Tổng cộng anh L được quyền sử dụng và sở hữu tài sản trị giá: 26.000.000 đồng.

- Anh Lô Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Lô Thị H số tiền là: 2.700.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

- Ngày 05/10/2016, anh Lữ Văn L và anh Lô Văn T đều làm đơn kháng cáo với các nội dung như sau: Anh Lữ Văn L kháng cáo toàn bộ bản án. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án; Anh Lô Văn T kháng cáo xem xét lại việc anh chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Lữ Văn L nhưng bản án lại chia 1/2 diện tích đất cho chị Lô Thị H.

Ngày 30/7/2019, anh Lữ Văn L có đơn xin rút một phần kháng cáo không đề nghị cấp phúc thẩm xem xét thửa đất nhận chuyển nhượng của anh Lô Văn Đ. Anh Lô Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có ý kiến: Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị áp dụng điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lô Văn T. Chấp nhận kháng cáo của anh Lữ Văn L, căn cứ khoản 3 điều 308, điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu để xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lữ Văn L hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lữ Văn L có đơn rút một phần kháng cáo đối với phần đất chị Lô Thị H nhận chuyển nhượng của anh Lô Văn Đ ở bản L. Nguyễn vọng của anh L là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác nên cần chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung anh L đã rút kháng cáo theo quy định tại điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lô Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, coi như từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lô Văn T theo quy định tại điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Lữ Văn L Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tài sản của chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án anh L và chị H đều thừa nhận tài sản chủ yếu là do công sức của chị H tạo lập nên, vì anh L phải chấp hành án trong thời gian dài. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, căn cứ vào công sức đóng góp vào việc tạo lập khối tài sản chung và chia cho chị H được sử dụng và sở hữu tài sản nhiều hơn anh L là phù hợp.

[2.2] Đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 48 diện tích 805,2 m² tại bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An, theo kết quả xác minh ngày 05/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C thể hiện: Trước đây thuộc quyền sử dụng của anh Lô Văn T, sinh năm 1980 trú tại bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Năm 2007, vợ chồng chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L sử dụng và xây nhà trên thửa đất. Năm 2017, chị Lô Thị H làm thủ tục đăng ký, kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/3/2014 Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 474308 cho chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L. Thời điểm này, do chị H và anh L đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nên Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Châu chưa giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H và anh L. Hơn nữa, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm anh Thắng thừa nhận việc anh chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh L nhưng chưa nhận tiền, bản án sơ thẩm xử chia cho chị H ½ diện tích đất, anh T không nhất trí vì cho rằng anh chỉ chuyển nhượng cho anh L. Anh Lô Văn T kháng cáo nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không

có mặt tại phiên tòa phúc thẩm là từ bỏ yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, cần công nhận việc chuyển nhượng đất giữa anh T và vợ chồng chị H, anh L, công nhận việc thỏa thuận chia đất và tài sản trên đất của anh L chị H và xác định thửa đất là tài sản chung của vợ chồng chị H, anh L là có căn cứ.

[2.3] Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm (Biên bản phiên tòa sơ thẩm BL 318) chị H, anh L thỏa thuận một số tài sản tự giải quyết bao gồm: Tủ lạnh, két bạc, giường, nhà xây. Đất và các tài sản trên đất hai bên tự thỏa thuận chia (Biên bản định giá tài sản ngày 16/9/2016 (BL 295) và ngày 06/6/2017 (BL)) cụ thể: Chị H sử dụng 317,25 m² đất và 01 ốt quán diện tích 91 m², anh L sử dụng 487,95 m² và các công trình phụ trợ như chuồng lợn, nhà tắm, giếng nước nằm trên diện tích đất được chia. Vì vậy, trong phần quyết định của bản án không giao các tài sản trên đất nêu trên mà chỉ giao đất cho chị H và anh L là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao đất theo thỏa thuận của các bên nhưng không tiến hành định giá tài sản của vợ chồng chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L để làm căn cứ giải quyết vụ án là thiếu sót. Theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu đã thành lập Hội đồng định giá tài sản và tiến hành định giá tài sản vào ngày 06/6/2017, vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào kết quả định giá tài sản này làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.4] Đối với chiếc xe máy Novo chị H mua trong thời kỳ anh L đang đi chấp hành án, chị H một mình nuôi con, đã bán để trang trải chi phí cho cuộc sống của mẹ con, hơn nữa cũng không biết đã bán cho ai nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của anh L.

[2.5] Đối với thửa đất chị Lô Thị H nhận chuyển nhượng của ông Vi Văn C tại bản Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Tại biên bản xác minh ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu thể hiện: Thửa đất chị Lô Thị H nhận chuyển nhượng của ông Vi Văn Chính tại bản Quàng, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An diện tích 76,644m², thửa đất 54, tờ bản đồ số 3, quyền sử dụng đất số 297/QĐ.UB ngày 26/9/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Q mang tên ông Vi Văn C, việc mua bán chuyển nhượng đất giữa chị H và ông Chính không làm thủ tục tại Ủy ban nhân dân xã C. Đất được miễn thuế theo quy định của Nhà nước.

Chị H cho rằng thời gian chị nhận chuyển nhượng đất anh L đang chấp hành án, sau khi nhận chuyển nhượng của ông Vi Văn C, chị đã chuyển nhượng cho người khác, chị không nhớ tên và địa chỉ của người nhận chuyển nhượng, việc chuyển nhượng không qua chính quyền địa phương mà chỉ làm giấy viết tay với nhau.

Biên bản xác minh ngày 06/6/2017, ông Lương Văn Kh trưởng bản Q, xã C cung cấp như sau: Hộ gia đình ông Vi Văn C được giao quyền sử dụng đất diện tích 76,644m², thửa đất 54, tờ bản đồ số 3, thuộc khoảnh 2, tiểu khu 209. Diện tích trên

ông C đã chuyển nhượng cho chị Lô Thị H, việc chuyển nhượng không qua thôn bản, chính quyền địa phương. Đầu năm 2017 có một người tên Đức (không rõ địa chỉ) gặp Ban cán sự thôn bản trình bày đã mua đất của chị Lô Thị H, đồng thời xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Chính để xin phân rừng trồng keo. Do đất của ông C không nằm trong bản đồ quy hoạch đất rừng sản xuất nên anh Đức đi về từ đó không thấy quay lại.

Như vậy, hiện nay thực tế không xác định được ai đang quản lý, sử dụng thửa đất này, có phải mua của chị Lô Thị H không, mua thời gian nào, mua bao nhiêu tiền? Anh L là người kháng cáo nhưng không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh L, cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác cho anh L khi đủ căn cứ và có yêu cầu.

[2.6] Đối với thửa đất chị H nhận chuyển nhượng của ông Quang Văn C tại Bản X, xã C, huyện Q diện tích 6000 m² thuộc thửa 206, tờ bản đồ số 01, Biên bản xác minh ngày 06/6/2017 tại cán độ địa chính xã C thể hiện: Thửa đất giao cho cộng đồng do Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q quản lý. Việc mua bán, chuyển nhượng đất giữa chị H và ông Chận không làm thủ tục tại Ủy ban nhân dân xã, thửa đất này không thuộc quyền sử dụng của ông Quang Văn C. Đất được miễn thuế theo quy định của Nhà nước. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh L.

[2.7] Đối với số tiền phải trả cho chị C: Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian anh L không ở nhà thì giữa chị H và chị C có thỏa thuận cho chị C trông nom, chăm sóc và bảo vệ keo do chị H trồng, khi nào khai thác bán thì chị Chanh được hưởng 1/3 giá trị. Tại thời điểm giữa chị H và chị C hợp đồng bằng miệng anh L không có mặt và trên thực tế chị có tham gia trông nom, chăm sóc và bảo vệ đến khi anh L chấp hành xong hình phạt tù về mới không cho chị Chanh tiếp tục trông coi. Do đó, Tòa án cấp sơ giao chị H và anh L được sở hữu giá trị keo và buộc anh L, chị H phải trả cho chị C tiền trông nom, chăm sóc tương đương với 1/3 giá trị là phù hợp.

[2.8] Về yêu cầu của chị H và anh L yêu cầu anh T trả giá trị số gỗ 11 thanh xà anh mượn với giá là 2.700.000 đồng. Anh T chấp nhận yêu cầu trên của chị H và anh L. Do đó, buộc anh T trả cho chị H và anh L số tiền trên.

[2.9] Về cách chia tài sản, Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên như cách chia của cấp sơ thẩm nhưng căn cứ vào kết quả định giá tài sản ngày 06/6/2017 để xác định giá trị tài sản, cụ thể như sau:

Tổng cộng tài sản chị H được sử dụng và sở hữu là: 75.966.700 đồng. Tổng cộng anh L được quyền sử dụng và sở hữu tài sản trị giá: 46.000.000 đồng.

[2.10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá các chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, những vi phạm của cấp sơ thẩm đã được khắc phục tại Tòa án cấp phúc thẩm. Do đó, cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, không có căn cứ để chấp nhận hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa. Đồng thời không chấp nhận kháng cáo của anh Lữ Văn L.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có thay đổi về giá trị tài sản của mỗi người được hưởng nên cần sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lô Thị H, anh Lữ Văn L, anh Lô Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 3 điều 284; khoản 3 điều 289, điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của anh Lữ Văn L về nội dung yêu cầu xem xét đối với thửa đất chị Lô Thị H nhận chuyển nhượng của bà Lô Thị Thương, anh Lô Văn Đ ở bản L, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lô Văn T.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Lữ Văn L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm, sửa Bản án phần án phí.

Áp dụng các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, các điều 474; 476 Bộ luật dân sự xử:

Về tài sản chung: Giao cho chị Lô Thị H được sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- Chấp nhận sự thỏa thuận tự chia đất ở và tài sản trên của chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L: Giao cho chị Lô Thị H được quyền sử dụng 317,25 m² đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 48 ở bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Chị Lô Thị H được sở hữu 01 quán diện tích 91m² nằm trên diện tích đất được giao cho chị H được sử dụng. Ranh giới đất được giao cho chị H là: Phía Đông giáp đất được tạm giao cho anh Lữ Văn L dài 32,26 m; Phía Tây giáp đất anh Lô Văn T dài 27,73m; Phía Nam giáp đường liên xóm dài 10m; Phía Bắc giáp đất anh Lữ Văn H dài 12,38m. Trị giá 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

- Chị Lô Thị H được sở hữu:

+ Toàn bộ số cây keo trồng năm 2012 trên diện tích đất 4,5 ha trị giá 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng và toàn bộ số cây keo trong năm 2012 trên diện tích 6000 m² trị giá 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Toàn bộ số cây keo trên được

trồng trên đất cộng đồng thuộc Ủy ban nhân dân xã C quản lý thửa số 226, tờ bản đồ số 01.

+ 01 máy nổ D8 và 01 mô tơ phát điện trị giá 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

+ 03 bộ bàn ghế nhựa đan (03 bàn và 12 ghế) trị giá 1.200.000 (Một triệu hai trăm ngàn) đồng.

+ 02 chiếc bàn gỗ mặt đá trị giá 400.000 (Bốn trăm ngàn) đồng.

(Số tài sản trên đang do anh L quản lý).

+ Chị H được nhận số tiền 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm ngàn) đồng do anh Lô Văn T trả nợ.

+ Chị H được nhận số tiền anh Lữ Văn L trả chênh lệch về tài sản là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

- Chị Lô Thị H phải trả khoản tiền công sức trông nom, chăm sóc và bảo vệ keo cho chị Lô Thị C tương ứng với 1/3 giá trị cây keo chị H được sở hữu là: 17.333.300 (Mười bảy triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm) đồng.

Tổng cộng tài sản chị Lô Thị H được sử dụng và sở hữu là: 75.966.700 (Bảy mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn, bảy trăm) đồng.

Giao cho anh Lữ Văn L được sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- Chấp nhận sự thỏa thuận tự chia đất ở và tài sản trên của chị Lô Thị H và anh Lữ Văn L: Giao cho anh Lữ Văn L được quyền sử dụng 487,95m² đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 48 ở bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Anh Lữ Văn L được sở hữu các công trình được xây dựng nằm trên diện tích đất được giao cho anh L được sử dụng. Ranh giới đất được giao cho anh L là: Phía Đông giáp đất anh Lữ Văn H dài 37,61m; Phía Tây Giáp đất được tạm giao cho chị Lô Thị H dài 32,26m; Phía Nam giáp đường liên xã dài 13,99m; Phía Bắc giáp đất anh Lữ Văn H dài 11,6m. Trị giá 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

- Giao cho anh Lữ Văn L được sở hữu:

+ Số tiền bán 16 cây cột và 30 thanh xà gỗ; 01 xe kéo; 01 tủ kính; 01 máy nổ D8; 01 mô tơ phát điện là 34.000.000 (Ba mươi tư triệu) đồng.

Số tiền anh L bán keo tương ứng 1/4 diện tích keo trồng trên thửa đất có diện tích 4,5 ha là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

+ 20 tấm ván gỗ; 01 cây cột gỗ; 15 tấm gỗ làm xà trị giá 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

+ 01 bộ dàn karaoke trị giá 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

+ 01 bộ bếp ga (Bếp và Bình ga) trị giá 1.000.000 (Một triệu) đồng.

(Số tài sản trên đang do anh L quản lý).

- Anh Lữ Văn L có nghĩa vụ trả cho anh Lô Văn T 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Anh Lữ Văn L có nghĩa vụ trả công sức trông nom, chăm sóc và bảo vệ keo cho chị Lô Thị C tương ứng với 1/3 giá trị keo anh L được sở hữu là: 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- Anh Lữ Văn L có nghĩa vụ trả chênh lệch về tài sản cho chị Lô Thị H 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Tổng cộng anh Lữ Văn L được quyền sử dụng và sở hữu tài sản trị giá: 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng.

- Anh Lô Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Lô Thị H số tiền là: 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật chị Lô Thị H, anh Lữ Văn L có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về án phí sơ thẩm:

- Chị Lô Thị H phải chịu 3.798.335 (Ba triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn ba trăm ba mươi lăm) đồng án phí chia tài sản. Được khấu trừ vào số tiền chị H nộp tạm ứng án phí 5.200.000 (Năm triệu hai trăm ngàn) đồng (còn lại 5.000.000 đồng sau khi đã thi hành số tiền 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Bản án số 12/2015/HNGĐ-PT ngày 14/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An). Trả lại cho chị Lô Thị H số tiền 1.201.665 (Một triệu hai trăm linh một ngàn sáu trăm sáu mươi lăm) đồng còn lại theo biên lai thu 0003933 ngày 07/8/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu. Anh Lữ Văn L phải chịu 2.300.000 (Hai triệu ba trăm ngàn) đồng án phí án phí chia tài sản. Anh Lô Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm:

Anh Lữ Văn L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004025 ngày 18/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

Anh Lô Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004026 ngày 24/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Quỳnh Châu;
- Chi Cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân